

**TỔNG CÔNG TY IDICO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023**

**CÔNG TY MẸ - TỔNG CÔNG TY IDICO**

Địa chỉ : 151A Nguyễn Đình Chiểu , Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028 38 438883 Fax : 028 39 312705

Email : [headoffice@idico.com.vn](mailto:headoffice@idico.com.vn)

Mã số thuế : 0302177966

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	8 - 9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	10 - 55

## **TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

#### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng công ty IDICO - CTCP (gọi tắt là "IDICO") tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ Việt Nam đồng), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/4/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật số căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật địa chỉ và vốn điều lệ của Tổng công ty từ 3.000.000.000.000 VND lên 3.299.999.290.000 VND (Ba nghìn hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn Việt Nam đồng), được chia thành 329.999.929 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng quản trị**

Bà Nguyễn Thị Như Mai	Chủ tịch
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023)
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Duy	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023)
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023)
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023)

## **TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

#### **Ủy ban kiểm toán**

Ông Tôn Thất Anh Tuấn                      Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023)  
Bà Trần Thùy Giang                          Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023)

#### **Ban kiểm soát**

Ông Hoàng Văn Hiến                      Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023)  
Ông Đào Hữu Thắng                      Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023)  
Ông Võ Tấn Dũng                          Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 21/4/2023)

#### **Ban Tổng giám đốc**

Ông Đặng Chính Trung                      Tổng giám đốc  
Ông Nguyễn Hồng Hải                      Phó Tổng giám đốc  
Ông Nguyễn Văn Minh                      Phó Tổng giám đốc  
Ông Phan Văn Chính                      Phó Tổng giám đốc  
Ông Nguyễn Việt Tuấn                      Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 21/4/2023)

#### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc, 



Nguyễn Việt Tuấn  
Phó Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN		MS	TM	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100 = 110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>2.103.742.895.305</b>	<b>1.461.660.303.016</b>
<b>I-</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>684.073.886.454</b>	<b>556.918.374.255</b>
1.	Tiền	111		18.073.886.454	260.118.374.255
2.	Các khoản tương đương tiền	112		666.000.000.000	296.800.000.000
<b>II-</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>268.313.400.000</b>	<b>352.570.957.696</b>
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		268.313.400.000	352.570.957.696
<b>III-</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.107.847.691.139</b>	<b>504.377.198.627</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	182.138.823.982	203.150.161.031
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	32.533.489.995	55.368.957.506
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.6	130.250.000.000	49.250.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.7	813.271.403.761	236.832.745.475
7.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.8	(50.346.026.599)	(40.224.665.385)
<b>IV-</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.9</b>	<b>17.377.730.847</b>	<b>12.272.852.060</b>
1.	Hàng tồn kho	141		17.377.730.847	12.272.852.060
<b>V-</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.130.186.865</b>	<b>35.520.920.378</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.13	18.776.495.435	24.273.670.003
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.353.691.430	11.107.401.375
3.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	-	139.849.000
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200 = 210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>9.750.891.025.533</b>	<b>10.265.253.676.940</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>495.447.500.000</b>	<b>1.105.447.500.000</b>
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.6	5.540.000.000	5.540.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	5.7	489.907.500.000	1.099.907.500.000
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.172.516.468.937</b>	<b>5.588.865.667.682</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.800.339.256.438	1.846.510.516.479
-	<i>Nguyên giá</i>	222		2.868.650.392.181	2.868.686.647.469
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.068.311.135.743)	(1.022.176.130.990)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.11	3.372.177.212.499	3.742.355.151.203
-	<i>Nguyên giá</i>	228		4.534.881.472.150	4.534.881.472.150
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.162.704.259.651)	(792.526.320.947)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.773.289.509.242</b>	<b>1.230.517.022.393</b>
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	1.773.289.509.242	1.230.517.022.393
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.3</b>	<b>2.059.819.729.490</b>	<b>2.071.929.117.871</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		1.980.554.339.870	1.980.554.339.870
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		168.930.017.481	168.930.017.481
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		112.409.084.484	112.409.084.484
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(202.073.712.345)	(189.964.323.964)
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>249.817.817.864</b>	<b>268.494.368.994</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	241.185.504.669	259.862.055.799
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		8.632.313.195	8.632.313.195
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>		<b>270</b>		<b>11.854.633.920.838</b>	<b>11.726.913.979.956</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN		MS	TM	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
A-	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>7.424.147.560.265</b>	<b>7.194.349.404.301</b>
I-	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.171.042.460.484</b>	<b>1.563.063.717.914</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	99.557.269.925	278.253.257.739
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	40.487.244.190	39.530.492.836
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	175.615.452.948	358.697.661.992
4.	Phải trả người lao động	314		777.351.873	10.213.362.005
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	32.133.556.966	38.576.464.386
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.20	160.741.058.620	106.936.692.722
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	160.017.332.589	166.412.018.109
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	476.694.677.550	557.162.228.440
12.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		25.018.515.823	7.281.539.685
II-	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.253.105.099.781</b>	<b>5.631.285.686.387</b>
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.20	3.479.199.302.864	3.154.906.815.678
7.	Phải trả dài hạn khác	337	5.18	580.000.000.000	580.000.000.000
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	2.193.905.796.917	1.896.378.870.709
B-	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.430.486.360.573</b>	<b>4.532.564.575.655</b>
	(400 = 410+430)				
I-	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>4.430.486.360.573</b>	<b>4.532.564.575.655</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		41.722.046.647	41.722.046.647
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		511.865.381.008	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		576.899.642.918	1.190.843.239.008
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	153.045.531.706
	- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		576.899.642.918	1.037.797.707.302
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>440</b>		<b>11.854.633.920.838</b>	<b>11.726.913.979.956</b>
(440 = 300+400)					

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thị Ngọc Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Việt Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Quý 2		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày	
			Năm nay VND	Năm trước VND	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	869.469.959.733	2.196.726.742.632	1.116.217.784.214	2.888.848.717.192
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	869.469.959.733	2.196.726.742.632	1.116.217.784.214	2.888.848.717.192
4 Giá vốn hàng bán	11	6.2	375.873.917.366	515.969.268.454	476.640.668.738	939.524.066.080
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		493.596.042.367	1.680.757.474.178	639.577.115.476	1.949.324.651.112
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	131.347.705.006	90.691.810.466	168.984.715.717	106.457.754.831
7 Chi phí tài chính	22	6.4	42.353.431.470	9.096.407.886	73.069.215.893	28.741.902.726
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.294.465.373	9.096.407.886	60.959.827.512	28.741.902.726
8 Chi phí bán hàng	25	6.5	13.194.570.251	-	14.345.275.042	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	31.824.541.501	8.473.623.152	37.262.718.704	11.845.119.362
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		537.571.204.151	1.753.879.253.606	683.884.621.554	2.015.195.383.855
11 Thu nhập khác	31	6.7	1.559.071.703	1.055.857.990	1.718.555.741	3.685.319.915
12 Chi phí khác	32	6.7	191.159.000	(3.994.947)	191.159.000	569.805.053
13 Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.367.912.703	1.059.852.937	1.527.396.741	3.115.514.862
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		538.939.116.854	1.754.939.106.543	685.412.018.295	2.018.310.898.717
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	90.002.918.706	338.502.924.822	108.512.375.377	391.236.538.733
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		448.936.198.148	1.416.436.181.721	576.899.642.918	1.627.074.359.984

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng giám đốc







Trần Thị Ngọc Loan

Trần Thị Ngọc

Nguyễn Việt Tuấn



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

TT	CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	685.412.018.295	2.018.310.898.717
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	416.312.943.457	568.710.051.502
	Các khoản dự phòng	03	22.230.749.595	(5.060.857.976)
	Lãi/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(4.939.666)	-
	Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(235.203.279.943)	(128.907.456.533)
	Chi phí lãi vay	06	60.959.827.512	28.741.902.726
3.	<b>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	949.707.319.250	2.481.794.538.436
	Thay đổi các khoản phải thu	09	82.113.771.143	(643.759.272.537)
	Thay đổi hàng tồn kho	10	(5.104.878.787)	156.332.958
	Thay đổi các khoản phải trả	11	257.323.380.817	(1.674.161.221.606)
	Thay đổi chi phí trả trước	12	24.173.725.698	94.634.222.279
	Tăng/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	123.341.238.230
	Tiền lãi vay đã trả	14	(61.776.833.102)	(26.649.389.539)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(370.894.060.186)	(53.915.078.071)
	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.241.023.862)	(2.305.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	874.301.400.971	299.136.370.150
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(542.736.231.561)	(223.227.267.378)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	51.373.750.208
3.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(228.513.400.000)	(210.810.841.275)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	231.770.957.696	425.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(86.578.000.000)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	235.208.219.609	126.716.963.558
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(304.270.454.256)	82.474.605.113
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3.	Tiền thu từ đi vay	33	377.526.926.208	1.835.917.818.566
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(160.467.550.890)	(2.129.141.874.372)
5.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(659.939.749.500)	(180.174.648.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	(442.880.374.182)	(473.398.703.806)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

TT	CHỈ TIÊU	MS	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	127.150.572.533	(91.787.728.543)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	556.918.374.255	352.601.391.696
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.939.666	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	684.073.886.454	260.813.663.153

Người lập biểu

Trần Thị Ngọc Loan

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2023

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Việt Tuấn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty IDICO - CTCP tiền thân là Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam được chuyển đổi thành Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mã số doanh nghiệp: 0302177966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/6/2010 với vốn điều lệ là 1.602.219.000.000 VND.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/3/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với tên gọi Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam - CTCP với vốn điều lệ là 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ Việt Nam đồng), được chia thành 300.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10/5/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Tổng công ty được đổi tên thành Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/12/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty IDICO - CTCP.

Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 17/5/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật thông tin từ phường 6 sang phường Võ Thị Sáu và cập nhật mã ngành nghề đăng ký kinh doanh vào hệ thống thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 14/4/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật số căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/8/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp do cập nhật địa chỉ và vốn điều lệ của Tổng công ty từ 3.000.000.000.000 VND lên 3.299.999.290.000 VND (Ba nghìn hai trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, hai trăm chín mươi ngàn Việt Nam đồng), được chia thành 329.999.929 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 VND).

Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IDICO CORPORATION - JSC.

Tên Tổng công ty viết tắt là: IDICO.

Cổ phiếu Tổng công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã cổ phiếu: IDC.

Trụ sở chính của IDICO tại: 151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Tổng công ty tại ngày 30/6/2023 là 150 người (tại ngày 31/12/2022: 151 người).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Tổng công ty IDICO - CTCP kinh doanh đúng theo các ngành nghề đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính trong kỳ: Đầu tư xây dựng, kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp và sản xuất kinh doanh điện.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty là 12 tháng.

**1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: Không**

**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCF**

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1.5 Cấu trúc Tổng công ty**

Tại ngày 30/6/2023, Tổng công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

TT	Tên công ty	Tên công ty viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
<b>A. Các công ty con</b>						
1	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	IDICO - MCI	KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng	81,94%	81,94%
2	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	IDICO - UDICO	Đường số 4, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Kinh doanh điện và xây lắp	66,93%	66,93%
3	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	IDICO - LINCO	Số 88, quốc lộ 1 (tuyến tránh), phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An.	Đầu tư, kinh doanh bất động sản và xây lắp	51,00%	51,00%
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	51,00%	51,00%
5	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	IDICO - INCO 10	Số 43A, đường 3/2, phường Xuân Khánh, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ	Xây lắp	97,78%	97,78%
6	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	IDICO - INCON	Số 100, đường Nguyễn Gia Trí, phường 25, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM	Tư vấn đầu tư xây dựng	70,40%	70,40%
7	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO	IDICO - URBIZ	Đường Tôn Đức Thắng, KCN Nhơn Trạch 1, xã Phước Thiện, H. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Đầu tư, kinh doanh hạ tầng KCN và xây lắp	100,00%	100,00%
8	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	IDICO - SHP	Thôn 7, xã Long Bình, H. Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.	Sản xuất kinh doanh điện và nước sạch	51,78%	51,78%
9	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	IDICO - IDI	Km 1906+700, Quốc lộ 1A, KP 5, phường Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM	BOT giao thông, xây lắp	57,50%	57,50%
10	Công ty TNHH MTV Dịch vụ KCN IDICO	IDICO - ISC	Số 48, khu phố 3, phường An Hòa, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.	Cung cấp dịch vụ trong KCN	100,00%	100,00%

**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**1.5 Cấu trúc Tổng công ty (Tiếp theo)**

TT	Tên công ty	Tên công ty viết tắt	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)
11	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quê Võ IDICO	IDICO - QUE VO	Tầng 13, Tòa nhà HH3, Đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, Tp.Hà Nội	Kinh doanh hạ tầng KCN	54,94%	54,94%
12	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	IDICO - TCC	Số 304, đường Trần Hưng Đạo, Tp.Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Xây lắp	95,19%	95,19%
13	Công ty cổ phần IDICO Tiền Giang	IDICO - ITC	Số 138 Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.	Kinh doanh hạ tầng KCN	65,00%	65,00%
14	Công ty Cổ phần IDERGY	IDERGY	Số 151A Nguyễn Đình Chiểu, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, phân phối điện, xây lắp	99,99%	99,99%
<b>B. Các công ty liên doanh, liên kết</b>						
1	Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	BVEC	Km 11, quốc lộ 51, xã Tam Phước, Tp.Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai	BOT giao thông và vật liệu xây dựng	49,00%	49,00%
2	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	LAMA IDICO	Km 23, QL 51, Ấp 1, xã Long An, H.Long Thành, tỉnh Đồng Nai	Gia công cơ khí và lắp đặt thiết bị	20,13%	20,13%
<b>C. Các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty IDICO - CTCP</b>						
1	Chi nhánh IDICO - Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3	IDICO - DAK MI 3	133 Phạm Văn Đồng, thị trấn Khâm Đức, H.Phước Sơn, tỉnh Quảng Nam.	Quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3		
2	Chi nhánh IDICO tại Hà Nội	IDICO - HA NOI	Tầng 13 - Tòa nhà SUDICO, Đường Mễ Trì - Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Xây lắp công trình dân dụng		
3	Chi nhánh IDICO tại Miền Đông	IDICO - IEB	Tầng 3 tòa nhà IDICO-URBIZ, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Hiệp Phước, H.Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.	Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp		

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### **1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Tổng công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

## **2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

### **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ quan Tổng công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Cơ quan Tổng công ty với các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán các loại tỷ giá hối đoái áp dụng**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2023.

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...)
- (ii) Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên giao dịch tại ngày 30/6/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc kế toán tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

***Các khoản đầu tư khác:*** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

***Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để Xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2014. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kể từ ngày 01/3/2018 (Tổng công ty IDICO chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần), giá trị khấu hao của tài sản cố định trong kỳ được tính bằng giá trị còn lại của tài sản tại ngày 01/3/2018 chia cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-50
Máy móc, thiết bị	08-10
Thiết bị văn phòng	03-05
Phương tiện vận tải	08-10
Hệ thống đường, thoát nước Khu công nghiệp	05-20

Đối với những tài sản cố định hữu hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Tổng công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Tổng công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian cho thuê đất còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất nhận tiền hàng năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3: Thời gian bắt đầu tính khấu hao từ thời điểm phát điện thương mại theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP ngày 25/8/2017 của Chính phủ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất, chi phí san nền, đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2, Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng, Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3, Khu công nghiệp Cầu Nghìn. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo thời gian được thuê đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Đối với những tài sản cố định vô hình liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và giá vốn một lần Tổng công ty sẽ phân bổ hết chi phí khấu hao tương ứng với diện tích cho thuê lại đất theo hợp đồng nhận tiền trước một lần đủ điều kiện ghi nhận 1 lần. Giá trị tài sản cố định còn lại Tổng công ty sẽ phân bổ tương ứng với thời gian cho thuê đất còn lại đối với phần diện tích cho thuê lại đất nhận tiền hàng năm.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty bao gồm các chi phí sau:

***Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:***

Tiền thuê đất trả trước tại các khu công nghiệp phản ánh tiền thuê đất trả trước cho Nhà nước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp chi phí phù hợp với doanh thu.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu): là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 31/12/2022, Tổng công ty đã phân bổ một phần vào chi phí tương ứng với doanh thu, giá vốn hạch toán một lần trong năm.

+ Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An) là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 31/12/2022, Tổng công ty đã phân bổ một phần vào chi phí tương ứng với doanh thu, giá vốn hạch toán một lần trong năm.

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng và công cụ dụng cụ phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ, giá trị công cụ dụng cụ đã phân bổ 100% được đánh giá lại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng công ty và người bán (là đơn vị độc lập bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay tổng hợp cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

#### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, có 67.956.747.816 VND (cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022: 35.228.936.957 VND) chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Tổng công ty.

#### **Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay liên quan đến Nhà máy thủy điện Đak Mi 3, các khu công nghiệp.
- Chi phí Nhà máy xử lý nước thải Phú Mỹ 2.
- Các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê cơ sở hạ tầng); không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Tổng công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp:**

Tổng công ty áp dụng quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để ghi nhận doanh thu từ tiền cho thuê tài sản. Theo đó, đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu đồng thời thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
  - (b) Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
  - (c) Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
  - (d) Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.
- Đồng thời, Tổng công ty thực hiện việc trích khấu hao của tài sản cố định một lần vào giá vốn của dịch vụ cho thuê.

Doanh thu từ việc cho thuê hạ tầng trong Khu công nghiệp của các hợp đồng còn lại được ghi nhận trên cơ sở bàn giao hạ tầng cho bên thuê được bên thuê chấp thuận thanh toán và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê.

**Doanh thu kinh doanh điện**

Doanh thu kinh doanh điện được xác định và ghi nhận dựa vào bảng kê sản lượng điện hợp đồng theo từng giờ, từng ngày và giá bán theo Hợp đồng mua bán điện số 03/2017/HĐ-NMĐ Đak Mi 3 ngày 31/3/2017 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty IDICO về việc mua bán điện Nhà máy thủy điện Đak Mi 3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn cung cấp dịch vụ và kinh doanh điện là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất điện trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Giá vốn cho thuê hạ tầng là toàn bộ các chi phí về san lấp mặt bằng, chi phí đền bù, chi phí xây dựng, chi phí khác phát sinh trong quá trình hình thành tài sản liên quan đến các hoạt động cho thuê lại đất trong các khu công nghiệp hiện tại và trong tương lai. Đơn giá vốn cho 1m<sup>2</sup> cho thuê lại đất trong Khu công nghiệp được xác định bằng Tổng mức đầu tư đã tập hợp chi phí phù hợp với tình hình thực tế của dự án chia cho diện tích kinh doanh trong từng khu công nghiệp..

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đơn vị khác.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Hoạt động kinh doanh tại Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh (2017-2031). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 3717743015 ngày 23/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động kinh doanh Nhà máy thủy điện Đak Mi 3 được miễn bốn năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2017 - 2020) và giảm 50% trong chín năm tiếp theo (2021 - 2029).
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Tiền thuê đất tại các khu công nghiệp:**

**(i) Khu công nghiệp Mỹ Xuân A:** Miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8751/BKH-PTDN ngày 19/12/2005 của Bộ Kế hoạch và đầu tư (từ năm 2009 đến năm 2054).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

(ii) **Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5:** Theo Quyết định số 10122/QĐ-CT ngày 17/12/2014 của Cục thuế Đồng Nai và Quyết định số 10123/QĐ-CT ngày 17/12/2014 của Cục thuế Đồng Nai, được miễn tiền thuê đất:

+ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ năm 2004 đến năm 2010) và được miễn tiền thuê đất 11 năm theo ưu đãi đầu tư kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ năm 2011 đến năm 2021).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp trong năm 2017 theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

(iii) **Khu công nghiệp Phú Mỹ 2:** Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49221000174 ngày 20/6/2013:

+ Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản (từ năm 2011 đến năm 2018) và được miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ năm 2019 đến năm 2033).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp một phần trong năm 2017 theo Kết luận của Kiểm toán Nhà nước và nộp phần còn lại (năm 2019) theo Thông báo của Chi cục thuế Thị xã Phú Mỹ.

(iv) **Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng:** Theo Quyết định số 1688/QĐ-CT ngày 09/3/2022 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc miễn tiền thuê đất cho Tổng công ty IDICO - CTCP: Miễn tiền thuê đất phải nộp trong thời gian 18 năm, từ ngày 18/01/2011 đến ngày 17/10/2029 đối với Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 29/3/2011 và số 2969/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc cho thuê đất, hợp đồng thuê đất số 45/HĐTD ngày 07/11/2011 và số 51/HĐTD ngày 19/11/2018.

(iv) **Khu công nghiệp Hựu Thạnh:** Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6567676128 ngày 27/9/2018:

+ Miễn tiền thuê đất 15 năm kể từ ngày dự án đi vào hoạt động (từ ngày 06/8/2019 đến ngày 05/8/2034).

+ Đối với diện tích phải nộp tiền thuê đất một lần cho Nhà nước: Thực hiện nộp theo Thông báo số 513/TBHKDCN-CT ngày 23/6/2020 của Cục thuế tỉnh Long An: Lần 1 ngày 17/8/2020 (50%) và lần 2 ngày 23/9/2020 (50%).

(vi) **Khu công nghiệp Cầu Nghìn:** Theo Quyết định số 563/QĐ-CT ngày 31/3/2021 của Cục thuế tỉnh Thái Bình về việc miễn tiền thuê đất theo ưu đãi đầu tư: Miễn 6 năm 7 tháng (từ tháng 11/2018 đến tháng 05/2025) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền đất, thuê mặt nước.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/6/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	4.459.458.216	19.198.161.739
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.614.428.238	240.920.212.516
Các khoản tương đương tiền (*)	666.000.000.000	296.800.000.000
<b>Cộng:</b>	<b>684.073.886.454</b>	<b>556.918.374.255</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn không quá 03 tháng với lãi suất bình quân từ 3,4%/năm đến 6,0%/năm.



**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

**5.2 ĐÀU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tp. HCM	45.113.400.000	45.113.400.000	85.200.000.000	85.200.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM	-	-	44.170.957.696	44.170.957.696
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	63.200.000.000	63.200.000.000	63.200.000.000	63.200.000.000
<b>Tổng (i)</b>	<b>268.313.400.000</b>	<b>268.313.400.000</b>	<b>352.570.957.696</b>	<b>352.570.957.696</b>

(i) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 12 tháng của Tổng công ty tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân từ 5,7%/năm đến 10,5%/năm.

**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

151 A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		Tại ngày 30/6/2023 (VND)			Tại ngày 01/01/2023 (VND)		
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>I. Đầu tư vào Công ty con</b>			<b>1.980.554.339.870</b>		<b>(35.798.419.516)</b>	<b>1.980.554.339.870</b>		<b>(35.798.419.516)</b>
IDICO - MCI (3)	81,94%	81,94%	18.356.046.908		(18.356.046.908)	18.356.046.908		(18.356.046.908)
IDICO - UDICO (2)	66,93%	66,93%	138.177.060.000	172.946.797.000	-	138.177.060.000	202.663.661.500	-
IDICO - LINCO (2)	51,00%	51,00%	55.409.106.453	156.978.000.000	-	55.409.106.453		-
IDICO - CONAC (1), (2)	51,00%	51,00%	32.039.472.494	587.826.000.000	-	32.039.472.494	492.660.000.000	-
IDICO - INCO 10 (3)	97,78%	97,78%	17.648.011.208		(5.865.162.608)	17.648.011.208		(5.865.162.608)
IDICO - INCON (2)	70,40%	70,40%	7.194.400.000	27.456.000.000	-	7.194.400.000	33.651.200.000	-
IDICO - URBIZ (3)	100,00%	100,00%	400.000.000.000		-	400.000.000.000		-
IDICO - SHP(2)	51,78%	51,78%	275.136.264.631	464.980.000.000	-	275.136.264.631	442.681.000.000	-
IDICO - IDI (2)	57,50%	57,50%	181.437.568.176	240.291.982.500	-	181.437.568.176	232.401.798.000	-
IDICO - ISC (3)	100,00%	100,00%	100.000.000.000		-	100.000.000.000		-
IDICO - QUE VO (3)	54,94%	54,94%	58.589.200.000		-	58.589.200.000		-
IDICO - TCC (3)	95,19%	95,19%	11.577.210.000		(11.577.210.000)	11.577.210.000		(11.577.210.000)
IDICO - ITC (3)	65,00%	65,00%	585.000.000.000		-	585.000.000.000		-
IDERGY (3)	99,99%	99,99%	99.990.000.000		-	99.990.000.000		-

**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

151 A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		Tại ngày 30/6/2023 (VND)				Tại ngày 01/01/2023 (VND)			
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Dự phòng	
<b>II. Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết</b>			168.930.017.481		(159.964.200.381)	168.930.017.481		(150.712.000.000)	(150.712.000.000)	
BVEC (3)	49,00%	49,00%	150.712.000.000		(150.712.000.000)	150.712.000.000		(150.712.000.000)	(150.712.000.000)	
LAMA IDICO (2)	20,13%	20,13%	18.218.017.481	8.965.817.100	(9.252.200.381)	18.218.017.481		-	-	
<b>III. Đầu tư vào đơn vị khác</b>			112.409.084.484		(6.311.092.448)	112.409.084.484		(3.453.904.448)	(3.453.904.448)	
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO (2)	1,22%	1,22%	8.393.000.000	11.088.000.000	-	8.393.000.000	20.751.500.000	-	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí Long Sơn (2)	8,54%	8,54%	28.256.416.000	64.283.337.300	-	28.256.416.000	153.997.445.400	-	-	
Trường Đại Học Vinh (3)	7,17%	7,17%	10.217.858.042		(3.453.904.448)	10.217.858.042		(3.453.904.448)	(3.453.904.448)	
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam (3)	8,91%	8,91%	3.119.400.000		-	3.119.400.000		-	-	
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Tổng hợp (2)	4,76%	4,76%	2.951.688.000	94.500.000	(2.857.188.000)	2.951.688.000		-	-	
Công ty cổ phần Đầu tư Đồng Thuận (3)	1,63%	1,63%	14.470.722.442		-	14.470.722.442		-	-	
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Mỹ Xuân (3)	15,00%	15,00%	45.000.000.000		-	45.000.000.000		-	-	
<b>Tổng</b>			<b>2.261.893.441.835</b>		<b>(202.073.712.345)</b>	<b>2.261.893.441.835</b>		<b>(189.964.323.964)</b>	<b>(189.964.323.964)</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

(1) IDICO CONAC chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 70% vốn điều lệ theo Nghị quyết số 09/NQ-CT ngày 11/5/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, số lượng cổ phiếu IDICO nhận tương ứng là 4.284.000 cổ phần. Theo đó, số lượng cổ phiếu IDICO nắm giữ sau khi nhận cổ tức bằng cổ phiếu: 10.404.000 cổ phiếu, chiếm 51% Vốn điều lệ tại IDICO-CONAC

(2) Tổng công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và số lượng cổ phiếu mà Tổng công ty đang nắm giữ.

(3) Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

**5.4 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>182.138.823.982</b>	<b>203.150.161.031</b>
Công ty mua bán điện (*)	89.140.067.024	107.908.647.206
Công ty TNHH Trịnh Gia Thịnh	31.793.934.199	31.793.934.199
Đối tượng khác	61.204.822.759	63.447.579.626
<b>Cộng:</b>	<b>182.138.823.982</b>	<b>203.150.161.031</b>
<b>Trong đó: Phải thu khách hàng các bên liên quan</b> <i>(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	-	<b>91.693.800</b>

(\*) Là khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh điện tại Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3.

**5.5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và công nghệ môi trường Dương Nhật	6.120.000.000	-
Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 6-Công ty cổ phần	-	12.250.983.961
Tổng công ty Cơ điện xây dựng - CTCP	-	26.171.774.112
IDICO - INCO 10 (i)	7.971.327.509	946.567.819
IDICO-LINCO	11.485.947.877	5.467.287.000
Đối tượng khác	6.956.214.609	10.532.344.614
<b>Cộng:</b>	<b>32.533.489.995</b>	<b>55.368.957.506</b>
<b>Trong đó: Trả trước người bán các bên liên quan</b> <i>(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<b>22.373.808.590</b>	<b>6.988.599.892</b>

(i) Số đầu kỳ ngày 01/01/2023 trình bày có sự khác biệt so với Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 do trình bày lại cho phù hợp với các đối tượng có số dư chiếm từ 10% tại ngày 30/6/2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.6 PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<b>30/6/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>130.250.000.000</b>	<b>49.250.000.000</b>
IDICO - MCI	29.600.000.000	28.600.000.000
IDICO - LINCO	100.650.000.000	20.650.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>5.540.000.000</b>	<b>5.540.000.000</b>
IDICO - TCC	5.540.000.000	5.540.000.000
<b>Cộng:</b>	<b>135.790.000.000</b>	<b>54.790.000.000</b>
<b>Phải thu cho vay các bên liên quan</b> <i>(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<b>135.790.000.000</b>	<b>54.790.000.000</b>

**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.7 PHẢI THU KHÁC**

	Tại ngày 30/6/2023 (VND)		Tại ngày 01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>813.271.403.761</b>	<b>(13.414.041.708)</b>	<b>236.832.745.475</b>	<b>(6.894.423.902)</b>
Lãi dự thu của các ngân hàng	11.040.283.378	-	13.104.591.865	-
Tạm ứng	2.874.388.288	-	2.911.103.000	-
Ký cược, ký quỹ (i)	314.204.961.198	-	-	-
Phải thu khác (ii)	485.151.770.897	(13.414.041.708)	220.817.050.610	(6.894.423.902)
<b>b) Dài hạn</b>	<b>489.907.500.000</b>	-	<b>1.099.907.500.000</b>	-
Phải thu IDICO - LINCO	129.490.000.000	-	129.490.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	360.417.500.000	-	970.417.500.000	-
- Công ty TNHH TM và DV Quỳnh Lan	-	-	260.000.000.000	-
- Công ty TNHH XD TM Tân Tạo (iii)	350.000.000.000	-	500.000.000.000	-
- Công ty cổ phần đầu tư Quỳnh Ngọc	-	-	100.000.000.000	-
- Công ty cổ phần Đầu tư Quỳnh Vy	-	-	100.000.000.000	-
- Các đối tượng còn lại	10.417.500.000	-	10.417.500.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.303.178.903.761</b>	<b>(13.414.041.708)</b>	<b>1.336.740.245.475</b>	<b>(6.894.423.902)</b>

(i) Đây là khoản đặt cọc để IDICO nhận chuyển nhượng dự án.

(iii) Theo Nghị quyết số 45/NQ-TCT ngày 15/11/2022 của Hội đồng quản trị IDICO về việc thông qua chủ trương hợp tác đầu tư dự án: Nhà xưởng dịch vụ IDICO-Tân Tạo với Vốn đầu tư dự kiến là 2.000 tỷ VND, trong đó IDICO góp 1.000 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 50%). Số tiền này sẽ được chuyển thành tiền góp vốn của IDICO khi các bên ký kết Hợp đồng hợp tác đầu tư theo quy định tại Điều 2.2 của Thỏa thuận ghi nhớ hợp tác đầu tư ngày 15/11/2022 giữa Tổng công ty IDICO - CTCP và Công ty TNHH XD TM Tân Tạo.

**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**(ii) Chi tiết số dư phải thu khác theo đối tượng**

	Tại ngày 30/6/2023 (VND)		Tại ngày 01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	<b>485.151.770.897</b>	<b>(13.414.041.708)</b>	<b>220.817.050.610</b>	<b>(6.894.423.902)</b>
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Đức Hòa	25.788.443.006	-	23.677.292.126	-
IDICO - URBIZ	10.080.854.929	-	-	-
IDICO-ISC	4.484.576.301	-	19.484.576.301	-
IDICO - LINCO	17.769.181.087	-	20.454.233.142	-
IDICO - MCI	7.289.164.184	(3.339.326.114)	5.799.092.855	(1.742.037.257)
IDICO - INCO 10	5.971.061.313	(5.327.989.045)	6.071.061.313	(5.152.386.645)
IDICO - SHP	15.360.000.000	-	29.539.200.000	-
IDICO - CONAC	-	-	36.720.000.000	-
IDICO - IDI	-	-	14.345.790.000	-
IDICO - INCON	1.812.000.000	-	1.812.000.000	-
IDICO - TCC	9.773.739.694	(4.746.726.549)	9.490.820.242	-
LAMA IDICO	885.512.800	-	885.512.800	-
Đối tượng khác	385.937.237.583	-	52.537.471.831	-
<b>Tổng</b>	<b>485.151.770.897</b>	<b>(13.414.041.708)</b>	<b>220.817.050.610</b>	<b>(6.894.423.902)</b>

**Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan**

(chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)

**202.916.090.308**

**274.092.286.653**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.8 NỢ XẤU**

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>49.333.491.363</b>	<b>12.401.506.472</b>	<b>49.333.491.363</b>	<b>16.003.249.880</b>
Công ty TNHH ACOTEC Hoàng Vũ	5.818.912.411	727.151.433	5.818.912.411	1.828.399.254
Công ty TNHH Sản xuất Hammer	3.191.399.755	119.069.635	3.191.399.755	166.697.489
Công ty TNHH Trịnh Gia Thịnh	31.793.934.199	9.710.677.155	31.793.934.199	11.313.605.434
Công ty TNHH TM XD Đại Đạt	4.570.751.661	635.535.034	4.570.751.661	896.313.120
Công ty CP Cảng Logistics Phú Mỹ 2	2.945.806.838	1.209.073.215	2.945.806.838	1.798.234.583
Công ty CP Phát triển hạ tầng Thành Đạt	1.012.686.499	-	1.012.686.499	-
<b>Phải thu khác quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>23.033.965.191</b>	<b>9.619.923.483</b>	<b>21.360.974.410</b>	<b>14.466.550.508</b>
IDICO - INCO 10	5.971.061.313	643.072.268	6.071.061.313	918.674.668
IDICO-MCI	7.289.164.184	3.949.838.070	5.799.092.855	4.057.055.598
IDICO-TCC	9.773.739.694	5.027.013.145	9.490.820.242	9.490.820.242
<b>Cộng:</b>	<b>72.367.456.554</b>	<b>22.021.429.955</b>	<b>70.694.465.773</b>	<b>30.469.800.388</b>

**5.9 HÀNG TỒN KHO**

	Tại ngày 30/6/2023 (VND)		Tại ngày 01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	69.352.887	-	64.474.100	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.650.000.000	-	2.550.000.000	-
Hàng hóa bất động sản	9.658.377.960	-	9.658.377.960	-
<b>Tổng</b>	<b>17.377.730.847</b>	<b>-</b>	<b>12.272.852.060</b>	<b>-</b>



**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

151 A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.10 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa		Máy móc		Phương tiện		Thiết bị		TSCĐ hữu		Tổng cộng
	vật kiến trúc		thiết bị		vận tải		dụng cụ quản lý		hình khác		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>											
Số dư tại ngày 01/01/2023	2.409.105.636.983	420.170.072.270	24.850.242.622	2.096.913.307	12.463.782.287	2.868.686.647.469	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	47.928.171	-	-	-	(47.928.171)	-	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	47.928.171	-	-	-	(47.928.171)	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	36.255.288	-	-	-	-	-	-	-	-	-	36.255.288
- Giảm khác	36.255.288	-	-	-	-	-	-	-	-	-	36.255.288
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023</b>	<b>2.409.117.309.866</b>	<b>420.170.072.270</b>	<b>24.850.242.622</b>	<b>2.096.913.307</b>	<b>12.415.854.116</b>	<b>2.868.650.392.181</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Số dư tại ngày 01/01/2023	824.178.564.849	165.053.945.206	19.165.643.739	1.388.179.314	12.389.797.882	1.022.176.130.990	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	31.923.216.519	13.482.548.074	598.396.719	104.787.207	26.056.234	46.135.004.753	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	31.923.216.519	13.482.548.074	598.396.719	104.787.207	26.056.234	46.135.004.753	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023</b>	<b>856.101.781.368</b>	<b>178.536.493.280</b>	<b>19.764.040.458</b>	<b>1.492.966.521</b>	<b>12.415.854.116</b>	<b>1.068.311.135.743</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Tại ngày 01/01/2023	1.584.927.072.134	255.116.127.064	5.684.598.883	708.733.993	73.984.405	1.846.510.516.479	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2023	1.553.015.528.498	241.633.578.990	5.086.202.164	603.946.786	-	1.800.339.256.438	-	-	-	-	-

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2023 là 1.223.111.247.952 VND (tại ngày 31/12/2022 là 1.577.330.881.499 VND).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 424.482.702.849 VND (tại ngày 31/12/2022 là 209.861.896.296 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.11 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	4.534.881.472.150	4.534.881.472.150
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	<u>4.534.881.472.150</u>	<u>4.534.881.472.150</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2023	792.526.320.947	792.526.320.947
Tăng trong kỳ	370.177.938.704	370.177.938.704
- Khấu hao trong kỳ	370.177.938.704	370.177.938.704
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	<u>1.162.704.259.651</u>	<u>1.162.704.259.651</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2023	<u>3.742.355.151.203</u>	<u>3.742.355.151.203</u>
Tại ngày 30/6/2023	<u>3.372.177.212.499</u>	<u>3.372.177.212.499</u>

Giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 30/6/2023 là 2.551.832.814.845 VND (tại ngày 31/12/2022 là 3.030.909.765.927 VND).

**5.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Chi mua sắm TSCĐ	-	-
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	<b>1.773.289.509.242</b>	<b>1.230.517.022.393</b>
Khu công nghiệp Hựu Thạnh	1.246.791.611.271	945.798.213.990
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	70.338.465.122	32.201.300.989
Khu công nghiệp Cầu Nghìn	190.788.304.702	71.069.090.165
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	28.309.766.972	16.286.175.372
Khu tái định cư KCN Hựu Thạnh	67.105.704.549	71.662.985.315
Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	732.943.095	41.390.018
Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	12.888.757.400	-
Nhà máy xử lý nước thải KCN Nhơn Trạch 5	36.082.596.368	7.219.591.473
Nhà máy xử lý nước thải KCN Phú Mỹ 2	4.092.631.357	4.020.284.983
Nhà máy xử lý nước thải KCN Hựu Thạnh	47.462.881.318	41.394.134.025
Nhà xưởng- KCN Hựu Thạnh	50.345.082.147	36.998.846.818
Các công trình khác	18.350.764.941	3.825.009.245
<b>Cộng:</b>	<u><b>1.773.289.509.242</b></u>	<u><b>1.230.517.022.393</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>30/6/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>18.776.495.435</b>	<b>24.273.670.003</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	61.032.118	3.590.488.722
Chi phí SXKD trả trước	18.715.463.317	20.683.181.281
<b>b) Dài hạn</b>	<b>241.185.504.669</b>	<b>259.862.055.799</b>
Chi phí trả trước tiền thuê đất:	185.644.232.460	188.556.094.834
- Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (1)	109.201.961.240	111.712.798.614
- Khu công nghiệp Hựu Thạnh (2)	76.442.271.220	76.843.296.220
Chi phí khắc phục sự cố Thủy điện Đak Mi 3	55.190.858.573	71.305.960.965
Chi phí nạo vét mở rộng lòng sông hạ lưu kênh xả Thủy điện Đak Mi 3	350.413.636	-
<b>Cộng:</b>	<b>259.962.000.104</b>	<b>284.135.725.802</b>

(1) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu): Là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần đối với diện tích đất đã cho thuê lại, thu tiền một lần theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2016. Tại ngày 31/12/2022, Tổng công ty đã phân bổ một phần vào chi phí tương ứng với việc ghi nhận doanh thu, giá vốn một lần trong năm.

(2) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Hựu Thạnh (tỉnh Long An): Là khoản tiền thuê đất đã nộp một lần cho cả thời gian thuê đất và sẽ được phân bổ đến ngày 06/8/2069. Tại ngày 31/12/2022, Tổng công ty đã phân bổ một phần vào chi phí tương ứng với việc ghi nhận doanh thu, giá vốn một lần trong năm.

**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải nộp</b>	<b>358.697.661.992</b>	<b>285.193.375.844</b>	<b>468.275.584.888</b>	<b>175.615.452.948</b>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.983.179.462	133.111.332.513	52.372.751.883	83.721.760.092
Thuế thu nhập doanh nghiệp	351.228.886.532	108.512.375.377	370.894.060.186	88.847.201.723
Thuế thu nhập cá nhân	1.045.352.303	20.869.465.056	21.286.895.504	627.921.855
Thuế tài nguyên	3.101.463.219	13.299.635.943	15.415.071.540	986.027.622
Tiền thuế đất	159.516.209	67.635.435	67.635.435	159.516.209
Các loại thuế khác	179.264.267	5.000.000	5.000.000	179.264.267
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	9.327.931.520	8.234.170.340	1.093.761.180
<b>Phải thu</b>	<b>139.849.000</b>	<b>139.849.000</b>	-	-
Các loại thuế khác	139.849.000	139.849.000	-	-

**5.15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại ngày 30/6/2023 (VND)		Tại ngày 01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
IDICO - LINCO	20.891.429.529	20.891.429.529	753.870.312	753.870.312
IDICO - URBIZ	6.100.251.085	6.100.251.085	60.667.544.086	60.667.544.086
IDICO-ISC	5.690.386.488	5.690.386.488	24.104.858.700	24.104.858.700
Công ty TNHH sản xuất thương mại xuất nhập khẩu Thái Linh (i)	10.199.446.258	10.199.446.258	5.588.100.174	5.588.100.174
Công ty TNHH XD TM DV Nghĩa Bình	3.987.495.156	3.987.495.156	64.983.034.645	64.983.034.645
Tổng công ty Cơ điện xây dựng - CTCP (i)	10.028.892.731	10.028.892.731	5.772.544.122	5.772.544.122
Các đối tượng khác	42.659.368.678	42.659.368.678	116.383.305.700	116.383.305.700
<b>Tổng</b>	<b>99.557.269.925</b>	<b>99.557.269.925</b>	<b>278.253.257.739</b>	<b>278.253.257.739</b>

**Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan** (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)

42.075.352.551

104.805.485.291

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (Tiếp theo)**

(i) Số đầu kỳ ngày 01/01/2023 trình bày có sự khác biệt so với Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 do trình bày lại cho phù hợp với các đối tượng có số dư chiếm từ 10% tại ngày 30/6/2023.

**5.16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<b>30/6/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH POSCO Việt Nam	4.826.918.118	-
Đối tượng khác	35.660.326.072	39.530.492.836
<b>Cộng:</b>	<b>40.487.244.190</b>	<b>39.530.492.836</b>

**5.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>30/6/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>32.133.556.966</b>	<b>38.576.464.386</b>
Trích trước chi phí lãi vay dự trả (*):	15.776.482.248	16.593.487.838
- Nhà máy thủy điện Đak Mi 3	13.303.054.954	11.559.415.672
- KCN Phú Mỹ 2 mở rộng	261.449.006	434.634.621
- KCN Hữu Thạnh	2.055.799.934	1.225.266.054
- Lãi vay dự trả các Hợp đồng vay ngắn hạn	156.178.354	3.374.171.491
Trích trước chi phí Nhà máy xử lý nước thải KCN Phú Mỹ 2	748.387.558	748.387.558
Trích trước chi phí thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng từ doanh thu tiền điện	-	6.900.181.593
Trích trước chi phí Dự án và Nhà máy xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân A	767.200.000	767.200.000
Trích trước chi phí Dự án và Nhà máy xử lý nước thải KCN Nhơn Trạch 5	7.196.929.352	7.196.929.352
Trích trước chi phí Dự án KCN Mỹ Xuân A	6.370.278.045	6.370.278.045
Trích trước Chi phí Hoa hồng, môi giới Khu công nghiệp	1.143.443.182	-
Trích trước Chi phí khác	130.836.581	-
<b>Cộng:</b>	<b>32.133.556.966</b>	<b>38.576.464.386</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.18 PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>30/6/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>160.017.332.589</b>	<b>166.412.018.109</b>
Kinh phí công đoàn	366.985.000	121.295.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	113.821.048.970	99.102.898.865
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	502.856.500	442.748.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (1)	45.326.442.119	66.745.076.244
<b>b) Dài hạn</b>	<b>580.000.000.000</b>	<b>580.000.000.000</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác (1)	580.000.000.000	580.000.000.000
<b>Cộng:</b>	<b>740.017.332.589</b>	<b>746.412.018.109</b>
<b>(1) Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>45.326.442.119</b>	<b>66.745.076.244</b>
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh (2)	45.103.258.837	45.103.258.837
IDICO - URBIZ	-	21.574.352.407
Phải trả ngắn hạn khác	223.183.282	67.465.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>580.000.000.000</b>	<b>580.000.000.000</b>
IDICO-ITC (3)	580.000.000.000	580.000.000.000
<b>Cộng:</b>	<b>625.326.442.119</b>	<b>646.745.076.244</b>

(2) Thỏa thuận ngày 22/8/2019 giữa Tổng công ty IDICO và Công ty cổ phần Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh (Đại Quang Minh) về việc hoàn trả các chi phí liên quan đến khu đất khoảng 26,4ha nằm về phía Bắc Quốc lộ 10 thuộc Dự án Khu công nghiệp Cầu Nghìn.

(3) IDICO-ITC góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Vinh Quang, theo thỏa thuận ghi nhớ hợp tác đầu tư được ký giữa Tổng công ty IDICO-CTCP và Công ty cổ phần IDICO Tiền Giang ngày 05/05/2022. Hai bên sẽ phân chia kết quả kinh doanh dự án theo quy định cụ thể tại hợp đồng hợp tác đầu tư chính thức khi các bên thống nhất ký kết.

**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**

151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG VÀ DÀI HẠN**

	30/6/2023		01/01/2023			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>284.497.677.550</b>	<b>284.497.677.550</b>	-	<b>68.269.550.890</b>	<b>352.767.228.440</b>	<b>352.767.228.440</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	99.993.850.000	99.993.850.000	-	-	99.993.850.000	99.993.850.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	59.503.827.550	59.503.827.550	-	-	59.503.827.550	59.503.827.550
Ngân hàng Trung Quốc - CN TPHCM	-	-	-	57.693.550.890	57.693.550.890	57.693.550.890
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	-	10.576.000.000	10.576.000.000	10.576.000.000
IDICO-URBIZ	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
<b>b) Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>192.197.000.000</b>	<b>192.197.000.000</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>92.198.000.000</b>	<b>204.395.000.000</b>	<b>204.395.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	32.197.000.000	32.197.000.000	-	32.198.000.000	64.395.000.000	64.395.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Quảng Nam	80.000.000.000	80.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	80.000.000.000	80.000.000.000	20.000.000.000	-	60.000.000.000	60.000.000.000

**TỔNG CÔNG TY IDICO - CTCP**151A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu,  
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09a-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (tiếp theo)**

	30/6/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>c) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>	<b>1.793.905.796.917</b>	<b>1.793.905.796.917</b>	<b>377.526.926.208</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>1.496.378.870.709</b>	<b>1.496.378.870.709</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh Quảng Nam	400.246.251.115	400.246.251.115	-	60.000.000.000	460.246.251.115	460.246.251.115
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Thành	1.393.659.545.802	1.393.659.545.802	377.526.926.208	20.000.000.000	1.036.132.619.594	1.036.132.619.594
<b>d) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>400.000.000.000</b>
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng BUSAN - Chi nhánh TP.HCM	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng DAEGU - Chi nhánh TP.HCM	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng KEB HANA - Chi nhánh TP.HCM	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Cộng:</b>	<b>2.670.600.474.467</b>	<b>2.670.600.474.467</b>	<b>457.526.926.208</b>	<b>240.467.550.890</b>	<b>2.453.541.099.149</b>	<b>2.453.541.099.149</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

**(i) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM**

- Số hợp đồng : Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2022/378281.HĐ ngày 19/8/2022 có hạn mức tín dụng 100.000.000.000 VND.
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
- Thời hạn thấu chi : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
- Lãi suất : Lãi suất hợp đồng tiền gửi cao nhất đối ứng là TSĐB + 0,3%/năm, lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng/lần, định kỳ vào ngày 01 của tháng đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất hoặc theo thông báo lãi suất của BIDV tùy theo tình hình biến động lãi suất của thị trường trong từng thời kỳ.
- Tài sản đảm bảo : Bên vay cầm cố các Hợp đồng tiền gửi/Hợp đồng cho vay/Giấy tờ có giá sau để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ vay tại ngân hàng:

TT	Tên tài sản cầm cố	Số hợp đồng	Giá trị (VND)
1	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	04/2022/HĐTG.310.378281	20.000.000.000
2	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	05/2022/HĐTG.310.378281	20.000.000.000
3	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	06/2022/HĐTG.310.378281	20.000.000.000
4	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	07/2022/HĐTG.310.378281	20.000.000.000
3	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	08/2022/HĐTG.310.378281	20.000.000.000
	<b>Tổng</b>		<b>100.000.000.000</b>

Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023: 99.993.850.000 VND

**(ii) Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế**

- Số hợp đồng : Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 02/2023/378281/HĐ ký ngày 31/3/2023 Tổng hạn mức cho vay là 60.000.000.000 VND.
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
- Thời hạn vay : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
- Lãi suất : 5,8%/năm (được áp dụng đến ngày 07/9/2023) và sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo thông báo của Ngân hàng.
- Tài sản đảm bảo : Hợp đồng cầm cố tài sản số 02/2020/378281/HĐBĐ ngày 10/01/2020 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cầm cố số 01/2022/378281/HĐSD ngày 07/9/2022.
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 : 59.503.827.550 VND

**(iii) Vay ngắn hạn Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO (URBIZ)**

- Số hợp đồng : Hợp đồng vay vốn 31.10/2022/HĐVV ngày 31/10/2022. Tổng số tiền vay là 125.000.000.000 VND
- Mục đích vay : Thanh toán các chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển các dự án của Tổng công ty IDICO.
- Thời hạn vay : Tối đa 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng vay vốn.
- Lãi suất : 10%/năm và lãi suất cho vay cố định trong suốt thời gian vay.
- Tài sản đảm bảo : Tín chấp
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 : 125.000.000.000 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

**(iv) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

- Số hợp đồng : Hợp đồng tín dụng khung số 43/2015/378281/HĐTĐK và hợp đồng tín dụng thành phần số 43/2015/378281/HĐTĐTP01; số 43/2015/378281/HĐTĐTP02; 43/2015/378281/HĐTĐTP03 ký ngày 28/09/2015. Tổng hạn mức cho vay là 328.000.000.000 VND.
- Mục đích vay : Vay tài trợ dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng do Tổng công ty làm chủ đầu tư.
- Thời hạn vay : Thời hạn vay 96 tháng (08 năm) kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Thời hạn rút vốn 90 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng khung. Thời gian ân hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng tín dụng thành phần này.
- Lãi suất : Lãi suất trong hạn là lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ niên yết tại ngân hàng tại thời điểm rút vốn vay (hoặc vào thời điểm điều chỉnh lãi suất khi đến kỳ điều chỉnh lãi) +3,2%. Lãi suất cho vay thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần. Lãi suất nợ quá hạn tối đa 150% lãi suất trong hạn.
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai là dự án (bao gồm cả tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của bên vay)
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 : 32.197.000.000 VND

**(v) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - các Chi nhánh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, và Thành phố Đà Nẵng**

- Số hợp đồng : Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HĐTĐ-ĐM3 ngày 09/3/2015 có hạn mức tín dụng 1.047.000.000.000 VND.
- Mục đích vay : Để thực hiện Dự án Thủy điện Đak Mi 3 .
- Thời hạn vay : Thời hạn vay 15 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.
- Lãi suất : Lãi suất được tính bằng lãi suất tiết kiệm bình quân có kỳ hạn 12 tháng và lãi suất biên là 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất nợ trong hạn.
- Tài sản đảm bảo : Khoản vay được bảo đảm bằng Tài sản dự án
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 : 480.246.251.115 VND (Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả là 80.000.000.000 VND và nợ dài hạn là 400.246.251.115 VND).

**(vi) Vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đô Thành gồm hai hợp đồng như sau:**

**(a) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022**

- Số hợp đồng : Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022. Tổng hạn mức cho vay là 700.000.000.000 VND.
- Mục đích vay : Trả nợ trước hạn khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTĐ ngày 24/9/2018 đã giải ngân để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hựu Thạnh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Thời hạn vay : Thời hạn cho vay đến ngày 24/4/2028 và không vượt quá thời cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2022.
- Lãi suất : Lãi suất 6,8%/ năm đầu tiên, lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên 2,7% những năm tiếp theo.
- Tài sản đảm bảo : Chủ yếu đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất của dự án với diện tích đất tối thiểu là 4.396.991 m<sup>2</sup> theo GCN QSD đất số CY 741306 cấp ngày 18/12/2020 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Chủ đầu tư; Toàn bộ quyền phát sinh từ các chi phí đền bù, bồi thường GPMB, chi phí san nền, các chi phí khác đã thanh toán liên quan đến đất thuộc dự án của Chủ đầu tư; toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án của Chủ đầu tư và các tài sản khác của Tổng công ty IDICO - CTCP phù hợp quy định của pháp luật và Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 : 593.700.000.000 VND (Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả là 80.000.000.000 VND và nợ dài hạn là 513.700.000.000 VND).

**(b) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022**

- Số hợp đồng : Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2021-HĐCVDADT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022. Tổng hạn mức cho vay là 800.000.000.000 VND.
- Mục đích vay : Tài trợ tương ứng phần doanh số cho vay chưa được giải ngân theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2018 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Hựu Thạnh.
- Thời hạn vay : Thời hạn cho vay đến ngày 24/4/2028 và không vượt quá thời hạn cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/378281/HĐTD ngày 24/9/2018.
- Lãi suất : Lãi suất 6,8%/ năm đầu tiên, lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên 2,7% những năm tiếp theo.
- Tài sản đảm bảo : Chủ yếu đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất của dự án với diện tích đất tối thiểu là 4.396.991 m<sup>2</sup> theo GCN QSD đất số CY 741306 cấp ngày 18/12/2020 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Chủ đầu tư; Toàn bộ quyền phát sinh từ các chi phí đền bù, bồi thường GPMB, chi phí san nền, các chi phí khác đã thanh toán liên quan đến đất thuộc dự án của Chủ đầu tư; toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án của Chủ đầu tư và các tài sản khác của Tổng công ty IDICO -CTCP phù hợp quy định của pháp luật và Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023 : 800.000.000.000 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

**(c) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03/2021-HĐCVDADDT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022**

- Số hợp đồng : Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03/2021-HĐCVDADDT/NHCT322-IDICO ngày 10/01/2022. Tổng hạn mức cho vay là 2.000.000.000.000 VND.
- Mục đích vay : Để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Hữu Thạnh (không bao gồm các chi phí đã được ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh giải ngân cho vay Dự án).
- Thời hạn vay : Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên. Bên vay không phải thực hiện trả nợ gốc trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Giải ngân đầu tiên.
- Lãi suất : Lãi suất tiền gửi 12 tháng + biên 2,7%.
- Tài sản đảm bảo : Chủ yếu đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất của dự án với diện tích đất tối thiểu là 4.396.991 m<sup>2</sup> theo GCN QSD đất số CY 741306 cấp ngày 18/12/2020 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Chủ đầu tư; Toàn bộ quyền phát sinh từ các chi phí đền bù, bồi thường GPMB, chi phí san nền, các chi phí khác đã thanh toán liên quan đến đất thuộc dự án của Chủ đầu tư; toàn bộ các quyền, lợi ích gắn liền hoặc phát sinh từ dự án của Chủ đầu tư và các tài sản khác của Tổng công ty IDICO -CTCP phù hợp quy định của pháp luật và Ngân hàng Công thương Việt Nam.
- Số dư nợ gốc tại ngày 30/6/2023: : 79.959.545.802 VND

**(vii) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng số 3103/2022/10/HDDDCSH-IDC-SHBVN SSD-SSV ngày 31/3/2022.**

- Tổ chức phát hành : Tổng công ty IDICO – CTCP
- Mục đích phát hành : Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3
- Hình thức trái phiếu : Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ
- Mệnh giá trái phiếu : 1.000.000.000 VND
- Khối lượng trái phiếu : 100 trái phiếu
- Lãi suất trái phiếu : Cố định 8%/năm
- Kỳ thanh toán lãi : Định kỳ 6 tháng một lần vào cuối kỳ
- Ngày phát hành : Ngày 07/4/2022
- Ngày đáo hạn : Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm)
- Thời điểm thanh toán gốc và lãi trái phiếu : Thực hiện qua đại lý (phòng dịch vụ Chứng khoán Ngân hàng Shinhan Việt Nam)
- Tổng giá trị đã phát hành : 100.000.000.000 VND

**(viii) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Ngân hàng BUSAN - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 3103/2022/07/HDDM-IDC-BUSAN HCM ngày 31/3/2022.**

- Tổ chức phát hành : Tổng công ty IDICO – CTCP
- Mục đích phát hành : Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3
- Hình thức trái phiếu : Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ
- Mệnh giá trái phiếu : 1.000.000.000 VND
- Khối lượng trái phiếu : 100 trái phiếu
- Lãi suất trái phiếu : Cố định 8%/năm
- Kỳ thanh toán lãi : Định kỳ 6 tháng một lần vào cuối kỳ
- Ngày phát hành : Ngày 07/4/2022
- Ngày đáo hạn : Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm)
- Thời điểm thanh toán gốc và lãi trái phiếu : Thực hiện qua đại lý (phòng dịch vụ Chứng khoán Ngân hàng Shinhan Việt Nam)
- Tổng giá trị đã phát hành : 100.000.000.000 VND

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

**(ix) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Ngân hàng DEAGU - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 3103/2022/08/HDDM-IDC- DEAGU HCM ngày 31/3/2022.**

Tổ chức phát hành	: Tổng công ty IDICO - CTCP
Mục đích phát hành	: Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3
Hình thức trái phiếu	: Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ
Mệnh giá trái phiếu	: 1.000.000.000 VND
Khối lượng trái phiếu	: 100 trái phiếu
Lãi suất trái phiếu	: Cố định 8%/năm
Kỳ thanh toán lãi	: Định kỳ 6 tháng một lần vào cuối kỳ
Ngày phát hành	: Ngày 07/4/2022
Ngày đáo hạn	: Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm)
Thời điểm thanh toán gốc và lãi trái phiếu	: Thực hiện qua đại lý (phòng dịch vụ Chứng khoán Ngân hàng Shinhan Việt Nam)
Tổng giá trị đã phát hành	: 100.000.000.000 VND

**(x) Phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại Ngân hàng KEB HANA - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 3103/2022/05/HDDM-IDC-KEB HANA ngày 07/4/2022.**

Tổ chức phát hành	: Tổng công ty IDICO - CTCP
Mục đích phát hành	: Đầu tư bổ sung dự án Nhà máy Thủy điện Đak Mi 3
Hình thức trái phiếu	: Trái phiếu ghi danh, theo hình thức bút toán ghi sổ
Mệnh giá trái phiếu	: 1.000.000.000 VND
Khối lượng trái phiếu	: 100 trái phiếu
Lãi suất trái phiếu	: Cố định 8%/năm
Kỳ thanh toán lãi	: Định kỳ 6 tháng một lần vào cuối kỳ
Ngày phát hành	: Ngày 07/4/2022
Ngày đáo hạn	: Ngày 07/4/2025 (Kỳ hạn 3 năm)
Thời điểm thanh toán gốc và lãi trái phiếu	: Thực hiện qua đại lý (phòng dịch vụ Chứng khoán Ngân hàng Shinhan Việt Nam)
Tổng giá trị đã phát hành	: 100.000.000.000 VND

**5.20 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<b>30/6/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>160.741.058.620</b>	<b>106.936.692.722</b>
Doanh thu nhận trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp:		
Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5	9.598.876.213	-
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	64.752.386.364	47.591.977.015
Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	20.494.312.844	430.150.152
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	55.279.354.724	49.058.536.397
Khu công nghiệp Cầu Nghìn	953.201.382	679.979.528
Khu công nghiệp Hựu Thạnh	9.662.927.093	9.176.049.630
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.479.199.302.864</b>	<b>3.154.906.815.678</b>
Doanh thu nhận trước tiền thuê đất tại Khu công nghiệp:		
Khu công nghiệp Nhơn Trạch 5		-
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2	1.442.291.401.715	1.456.563.112.343
Khu công nghiệp Mỹ Xuân A	536.320.256	669.942.929
Khu công nghiệp Phú Mỹ 2 mở rộng	1.589.736.085.191	1.482.322.827.605
Khu công nghiệp Cầu Nghìn	37.641.295.239	26.152.198.940
Khu công nghiệp Hựu Thạnh	408.994.200.463	189.198.733.861
<b>Cộng:</b>	<b>3.639.940.361.484</b>	<b>3.261.843.508.400</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.21 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận		Tổng
				chưa phân phối	sau thuế	
Số dư tại 01/01/2022	3.000.000.000.000	41.722.046.647	-	639.814.821.706		3.681.536.868.353
Tăng trong năm	299.999.290.000	-	-	1.397.798.275.302		1.697.797.565.302
Chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu	299.999.290.000	-	-	299.999.290.000		-
Lãi trong năm	-	-	-	1.697.797.565.302		1.697.797.565.302
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>(846.769.858.000)</b>		<b>(846.769.858.000)</b>
Phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	-	(186.770.000.000)		(186.770.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	(180.000.000.000)		(180.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	(2.000.000.000)		(2.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.770.000.000)		(4.770.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2022 (*)	-	-	-	(659.999.858.000)		(659.999.858.000)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>3.299.999.290.000</b>	<b>41.722.046.647</b>	<b>-</b>	<b>1.190.843.239.008</b>		<b>4.532.564.575.655</b>
<b>Số dư tại 01/01/2023</b>	<b>3.299.999.290.000</b>	<b>41.722.046.647</b>	<b>-</b>	<b>1.190.843.239.008</b>		<b>4.532.564.575.655</b>
Tăng trong kỳ	-	-	511.865.381.008	576.899.642.918		1.088.765.023.926
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	576.899.642.918		576.899.642.918
Phân phối lợi nhuận năm 2022 (*)	-	-	511.865.381.008	-		511.865.381.008
- Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	511.865.381.008	-		511.865.381.008
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(1.190.843.239.008)</b>		<b>(1.190.843.239.008)</b>
Phân phối lợi nhuận năm 2022 (*)	-	-	-	(1.190.843.239.008)		(1.190.843.239.008)
- Chia cổ tức	-	-	-	(659.999.858.000)		(659.999.858.000)
- Trích quỹ Khen thưởng Ban quản lý điều hành	-	-	-	(2.000.000.000)		(2.000.000.000)
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(16.978.000.000)		(16.978.000.000)
- Trích quỹ Đầu tư phát triển	-	-	-	(511.865.381.008)		(511.865.381.008)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2023</b>	<b>3.299.999.290.000</b>	<b>41.722.046.647</b>	<b>511.865.381.008</b>	<b>576.899.642.918</b>		<b>4.430.486.360.573</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(\*) IDICO thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 ngày 21/4/2023, như sau:

1. Trích Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp: 2.000.000.000 đồng.
2. Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 16.978.000.000 đồng (tương đương 1% Lợi nhuận sau thuế năm 2022).
3. Trích Quỹ Đầu tư phát triển: 511.865.381.008 đồng
4. Chia cổ tức bằng tiền mặt: 1.319.999.716.000 đồng (tương đương 40%/cổ phiếu)  
+ Đã tạm ứng cổ tức năm 2022: 659.999.858.000 đồng (tương đương 20%/cổ phiếu (01 cổ phiếu nhận được 2.000 đồng) theo Nghị quyết số 32/NQ-TCT ngày 09/8/2022 của HĐQT Tổng công ty IDICO.  
+ Cổ tức còn lại chi trả đợt 2: 659.999.858.000 đồng (tương đương 20% /cổ phiếu, 01 cổ phiếu nhận được 2.000 đồng) theo Thông báo số 16/TB-TCT ngày 17/4/2023 của Tổng công ty IDICO.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 30/6/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Công ty cổ phần Tập đoàn SSG	22,50%	74.250.000	742.500.000.000	22,50%	74.250.000	742.500.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Bách Việt	11,93%	39.361.300	393.613.000.000	11,93%	39.361.300	393.613.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	65,57%	216.388.629	2.163.886.290.000	65,57%	216.388.629	2.163.886.290.000
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>329.999.929</b>	<b>3.299.999.290.000</b>	<b>100%</b>	<b>329.999.929</b>	<b>3.299.999.290.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Vốn góp đầu kỳ/năm	3.299.999.290.000	3.299.999.290.000
Vốn góp tăng trong năm/kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong năm/kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ/năm	3.299.999.290.000	3.299.999.290.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	329.999.929	329.999.929
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	329.999.929	329.999.929
Cổ phiếu phổ thông	329.999.929	329.999.929
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	329.999.929	329.999.929
Cổ phiếu phổ thông	329.999.929	329.999.929
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022
	VND	VND
Doanh thu hạ tầng Khu công nghiệp	990.468.151.707	2.887.860.281.028
Doanh thu kinh doanh điện (*)	125.585.170.091	-
Doanh thu khác	164.462.416	988.436.164
<b>Cộng:</b>	<b>1.116.217.784.214</b>	<b>2.888.848.717.192</b>
<i>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>110.942.824</i>	<i>51.457.108.208</i>

(\*) Doanh thu kinh doanh điện theo Hợp đồng mua bán điện số 03/2017/HĐ-NMĐ-Đak Mi 3 ngày 31/3/2017 giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tổng công ty IDICO về việc mua bán điện Nhà máy thủy điện Đak Mi 3



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn hạ tầng Khu công nghiệp	401.657.954.833	932.569.291.934
Giá vốn kinh doanh điện	74.982.713.905	5.966.337.982
Giá vốn khác	-	988.436.164
<b>Cộng:</b>	<b>476.640.668.738</b>	<b>939.524.066.080</b>

**6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	61.251.369.310	38.402.342.275
Cổ tức, lợi nhuận được chia	107.728.406.741	62.706.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.939.666	-
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	5.348.912.556
<b>Cộng:</b>	<b>168.984.715.717</b>	<b>106.457.754.831</b>
<i>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	<i>107.498.906.741</i>	<i>61.388.000.000</i>

**6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí lãi vay	60.959.827.512	28.741.902.726
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất các khoản đầu tư tài chính	12.109.388.381	-
<b>Cộng:</b>	<b>73.069.215.893</b>	<b>28.741.902.726</b>

**6.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí hoa hồng môi giới, khác	14.345.275.042	-
<b>Cộng:</b>	<b>14.345.275.042</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	16.459.143.963	11.689.595.882
Chi phí vật liệu quản lý	572.235.718	466.120.406
Chi phí đồ dùng văn phòng	543.187.316	363.172.863
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.404.932.010	1.158.719.670
Thuế phí và lệ phí	22.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	9.109.819.497	(5.060.857.976)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.226.712.659	1.052.225.362
Chi phí bằng tiền khác	3.924.687.541	2.173.143.155
<b>Cộng:</b>	<b>37.262.718.704</b>	<b>11.845.119.362</b>

**6.7 LỢI NHUẬN KHÁC**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Chuyển nhượng tài sản cố định	-	685.829.000
Lãi chậm thanh toán	589.063.971	1.173.172.829
Các khoản khác	1.129.491.770	1.826.318.086
<b>Cộng:</b>	<b>1.718.555.741</b>	<b>3.685.319.915</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản khác	191.159.000	569.805.053
<b>Cộng:</b>	<b>191.159.000</b>	<b>569.805.053</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác thuần</b>	<b>1.527.396.741</b>	<b>3.115.514.862</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**6.8 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>685.412.018.295</b>	<b>2.018.310.898.717</b>
<b>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>540.316.085</b>	<b>578.294.946</b>
Các khoản chi phí không được trừ	540.316.085	578.294.946
<b>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế</b>	<b>107.728.406.741</b>	<b>62.706.500.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	107.728.406.741	62.706.500.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>578.223.927.639</b>	<b>1.956.182.693.663</b>
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>578.223.927.639</b>	<b>1.956.182.693.663</b>
Thu nhập tính thuế kinh doanh bất động sản	540.748.922.260	1.956.182.693.663
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN của hoạt động kinh doanh bất động sản	108.149.784.452	391.236.538.733
Thu nhập tính thuế của hoạt động khác	37.475.005.379	-
Bù lỗ năm 2022 chuyển sang	(35.662.050.755)	-
Thu nhập tính thuế của hoạt động khác	1.812.954.624	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN của hoạt động khác	362.590.925	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>108.512.375.377</b>	<b>391.236.538.733</b>

**6.9 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.064.608.148	667.803.367
Chi phí nhân công	25.390.796.841	21.992.898.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	416.312.943.457	568.710.051.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.732.356.261	19.233.388.960
Chi phí khác bằng tiền	39.575.395.191	5.899.013.197
<b>Cộng:</b>	<b>519.076.099.898</b>	<b>616.503.155.897</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**1) Danh sách các bên liên quan:**

<b>TT</b>	<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
1	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và phát triển vật liệu IDICO	Công ty con
2	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị IDICO	Công ty con
3	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Long An IDICO	Công ty con
4	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng dầu khí IDICO	Công ty con
5	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng số 10 IDICO	Công ty con
6	Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư IDICO	Công ty con
7	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và KCN IDICO	Công ty con
8	Công ty cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	Công ty con
9	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	Công ty con
10	Công ty TNHH MTV Dịch vụ KCN IDICO	Công ty con
11	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Quê Võ IDICO	Công ty con
12	Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng Thái Bình IDICO	Công ty con
13	Công ty Cổ phần IDICO Tiền Giang	Công ty con
14	Công ty Cổ phần IDERGY	Công ty con
15	Công ty cổ phần Phát triển đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	Công ty liên kết
16	Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng lắp máy IDICO	Công ty liên kết
17	Các cá nhân quản lý (Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc) và người thân cận của các cá nhân này.	Ảnh hưởng đáng kể

**2) Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác.**

**a. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị**

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND</b>	<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND</b>
Ông Lê Bá Thọ	Nguyên chủ tịch HĐQT	-	655.766.000
Bà Nguyễn Thị Như Mai	Chủ tịch HĐQT	831.077.650	173.858.000
Ông Đặng Chính Trung	Thành viên HĐQT	114.500.111	93.888.111
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Nguyên thành viên HĐQT	472.402.800	649.240.000
Ông Tôn Thất Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	149.000.111	144.278.111
Ông Nguyễn Duy	Nguyên thành viên HĐQT	110.000.111	138.778.111
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT	34.500.000	-
Bà Trần Thùy Giang	Thành viên HĐQT	253.000.000	-
<b>Tổng</b>		<b>1.964.480.783</b>	<b>1.855.808.333</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

**b. Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Hoàng Văn Hiến	Nguyên trưởng BKS	459.000.000	537.534.000
Ông Đào Hữu Thắng	Nguyên thành viên BKS	92.000.000	86.446.000
Bà Trần Thanh Linh	Nguyên thành viên BKS	-	59.890.000
Ông Võ Tấn Dũng	Nguyên thành viên BKS	76.500.000	142.000.000
<b>Tổng</b>		<b>627.500.000</b>	<b>825.870.000</b>

**c. Lương và các lợi ích khác của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
Ông Đặng Chính Trung	Tổng giám đốc	1.520.000.000	1.308.276.000
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng giám đốc	1.023.000.000	936.123.000
Ông Phan Văn Chung	Nguyên Phó Tổng giám đốc	-	510.659.000
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng giám đốc	1.045.000.000	893.123.000
Ông Phan Văn Chính	Phó Tổng giám đốc	1.023.000.000	855.227.000
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Phó Tổng giám đốc	253.000.000	-
Bà Trần Thị Ngọc	Kế toán trưởng	950.000.000	745.571.000
<b>Tổng</b>		<b>5.814.000.000</b>	<b>5.248.979.000</b>

**3) Trong kỳ, Tổng công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
<b>Bán hàng</b>		<b>110.942.824</b>	<b>51.457.108.208</b>
IDICO-ISC	Dịch vụ	-	51.373.750.208
IDICO-INCO 10	Dịch vụ	27.584.824	-
IDICO - QUE VO	Dịch vụ	83.358.000	83.358.000
<b>Mua hàng</b>		<b>98.013.078.069</b>	<b>95.814.312.735</b>
IDICO - URBIZ	Khối lượng xây lắp, dịch vụ	15.922.565.709	19.664.686.970
IDICO - ISC	Khối lượng xây lắp	18.390.469.694	17.637.800.743
IDICO-CONAC	Dịch vụ	2.782.829	-
IDICO - INCO 10	Khối lượng xây lắp	4.676.139.993	-
IDICO - INCON	Dịch vụ tư vấn	3.031.711.597	2.310.972.254
IDICO - LINCO	Khối lượng xây lắp	54.866.110.593	53.834.460.443
IDICO - UDICO	Cung cấp dịch vụ	163.297.654	661.051.126
IDICO - TCC	Khối lượng xây lắp	960.000.000	1.705.341.199

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
		VND	VND
<b>Cổ tức được chia</b>		<b>107.498.906.741</b>	<b>61.388.000.000</b>
IDICO - URBIZ	Lợi nhuận nộp về IDICO	37.853.837.473	-
IDICO - ISC	Lợi nhuận nộp về IDICO	12.268.437.268	-
IDICO - CONAC	Cổ tức được chia	45.900.000.000	2.550.000.000
IDICO - UDICO	Cổ tức được chia	-	12.240.000.000
IDICO - IDI	Cổ tức được chia	11.476.632.000	-
IDICO - SHP	Cổ tức được chia	-	46.598.000.000
<b>Lãi cho vay</b>		<b>3.095.899.726</b>	<b>4.443.635.480</b>
IDICO - MCI	Lãi cho vay	1.498.032.329	1.095.383.234
IDICO - LINCO	Lãi cho vay	1.314.947.945	2.185.165.891
IDICO - SHP	Lãi cho vay	-	684.041.095
IDICO - TCC	Lãi cho vay	282.919.452	479.045.260
<b>Cho vay</b>		<b>81.000.000.000</b>	<b>3.800.000.000</b>
IDICO - MCI	Cho vay	1.000.000.000	3.800.000.000
IDICO - LINCO	Cho vay	80.000.000.000	-
<b>Lãi vay</b>		<b>6.198.630.137</b>	<b>-</b>
IDICO - URBIZ	Lãi vay	6.198.630.137	-

**4) Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:**

Bên liên quan	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	-	<b>91.693.800</b>
IDICO - QUE VO	-	91.693.800
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>22.373.808.590</b>	<b>6.988.599.892</b>
IDICO - MCI	138.089.282	154.000.000
IDICO - INCO 10	7.971.327.509	946.567.819
IDICO - INCON	782.833.733	112.500.000
IDICO - LINCO	11.485.947.877	5.467.287.000
IDICO - UDICO	1.687.365.116	-
IDICO - TCC	308.245.073	308.245.073

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**7.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Bên liên quan	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải thu cho vay ngắn hạn</b>	<b>130.250.000.000</b>	<b>49.250.000.000</b>
IDICO - MCI	29.600.000.000	28.600.000.000
IDICO - LINCO	100.650.000.000	20.650.000.000
<b>Phải thu cho vay dài hạn</b>	<b>5.540.000.000</b>	<b>5.540.000.000</b>
IDICO - TCC	5.540.000.000	5.540.000.000
<b>Phải thu khác</b>	<b>202.916.090.308</b>	<b>274.092.286.653</b>
IDICO - URBIZ	10.080.854.929	-
IDICO-ISC	4.484.576.301	19.484.576.301
IDICO - MCI	7.289.164.184	5.799.092.855
IDICO - CONAC	-	36.720.000.000
IDICO - INCO 10	5.971.061.313	6.071.061.313
IDICO - INCON	1.812.000.000	1.812.000.000
IDICO - LINCO	147.259.181.087	149.944.233.142
IDICO - IDI	-	14.345.790.000
IDICO - SHP	15.360.000.000	29.539.200.000
IDICO - TCC	9.773.739.694	9.490.820.242
LAMA IDICO	885.512.800	885.512.800
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>42.075.352.551</b>	<b>104.805.485.291</b>
IDICO - URBIZ	6.100.251.085	60.667.544.086
IDICO-ISC	5.690.386.488	24.104.858.700
IDICO - MCI	-	319.795.877
IDICO - INCO 10	7.887.539.142	15.929.628.391
IDICO - INCON	1.505.746.307	2.067.027.149
IDICO - LINCO	20.891.429.529	753.870.312
LAMA IDICO	-	962.760.776
<b>Phải trả nợ vay</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>
IDICO - URBIZ	125.000.000.000	125.000.000.000
<b>Phải trả khác</b>	<b>580.000.000.000</b>	<b>601.574.352.407</b>
IDICO - URBIZ	-	21.574.352.407
IDICO-ITC	580.000.000.000	580.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022

**7.2 THÔNG TIN SO SÁNH**

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Trần Thị Ngọc Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Ngọc

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2023*

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Việt Tuấn



**TỔNG CÔNG TY IDICO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29 /UQ - TCT

TP. HCM, ngày 27 tháng 7 năm 2023

## **GIẤY ỦY QUYỀN**

**Người ủy quyền:**

Họ và tên: Đặng Chính Trung Sinh ngày: 10/11/1959

Số CCCD: 040059007082 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021.

Chức vụ: Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP, người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: 151 A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp: 0302177966

**Người được ủy quyền:**

Họ và tên: Nguyễn Việt Tuấn Sinh ngày: 3/8/1975

Số CCCD: 075075001705 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 1/5/2021.

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty IDICO - CTCP.

Địa chỉ: 151 A Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Mã số doanh nghiệp: 0302177966

**Phạm vi ủy quyền:**

Ký Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo tài chính hợp nhất và Văn bản giải trình có liên quan đến Báo cáo tài chính của Tổng công ty IDICO - CTCP.

**Thời gian được ủy quyền:**

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế.

**CHỮ KÝ**  
**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Việt Tuấn**

**CHỮ KÝ**  
**NGƯỜI ỦY QUYỀN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Đặng Chính Trung**